

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN KINH DOANH LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM HÀ NỘI

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 28 tháng 3 năm 2017.

GIÁM ĐỐC
Phùng Ngọc Quý

HÀ NỘI - THÁNG 4 NĂM 2013

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	6
ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	6
Điều 1: Tên Công ty	6
Điều 2: Trụ sở Công ty, địa bàn hoạt động	6
Điều 3: Tư cách pháp nhân.....	6
Điều 4: Mục tiêu và lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty	7
Điều 5: Thời hạn hoạt động.....	8
Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và quản trị điều hành Công ty	8
Điều 7: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác.....	9
CHƯƠNG II.....	10
QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	10
MỤC 1.....	10
QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY.....	10
Điều 8: Quyền của Công ty	10
MỤC 2.....	11
NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	11
Điều 9: Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	11
Điều 10: Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty	12
CHƯƠNG III.....	12
VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG.....	12
MỤC 1 - VỐN.....	12
Điều 11: Các loại vốn của Công ty	12
Điều 12: Vốn điều lệ	12
Điều 13: Vốn huy động.....	13
Điều 14: Vốn tích lũy.....	13
MỤC 2.....	13
CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU	13
Điều 15: Cổ phần, cổ phiếu.....	13
Điều 16: Các loại cổ phần	14
Điều 17: Hình thức cổ phiếu	14
Điều 18: Sổ đăng ký cổ đông	15
Điều 19: Chào bán cổ phần	15
Điều 20: Chuyển nhượng cổ phần.....	15
Điều 21: Thừa kế cổ phần	16
Điều 22: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Công ty	17
Điều 23: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	17
MỤC 3.....	17
CỔ ĐÔNG	18
Điều 24: Quy định chung về cổ đông.....	18
Điều 25: Quyền lợi của cổ đông.....	18
Điều 26: Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông.....	19

10/07/2013 *Hoàng Minh*

CHƯƠNG IV.....	19
TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH, KIỂM SOÁT	19
MỤC 1.....	19
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	19
Điều 27: Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 28: Đại hội đồng cổ đông thành lập	20
Điều 29: Đại hội đồng cổ đông thường niên	20
Điều 30: Đại hội đồng cổ đông bất thường	20
Điều 31: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông; Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông; Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 32: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 33: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 34: Thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 35: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
MỤC 2.....	25
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 36: Tổ chức Hội đồng quản trị	25
Điều 37: Tiêu chuẩn ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 38: Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	26
Điều 39: Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 40: Hoạt động của Hội đồng quản trị	28
Điều 41: Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 42: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị	31
MỤC 3.....	32
GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC	32
Điều 43: Giám đốc Công ty	32
Điều 44: Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc Công ty	32
Điều 45: Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc Công ty	32
Điều 46: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	33
Điều 47: Ủy quyền	33
Điều 48: Từ nhiệm, đương nhiệm mất tư cách.....	34
Điều 49: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty	34
MỤC 4.....	35
BAN KIỂM SOÁT	35
Điều 50: Tổ chức Ban kiểm soát	35
Điều 51: Tiêu chuẩn ứng cử, đề cử, lựa chọn Kiểm soát viên.....	35
Điều 52: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bổ sung kiểm soát viên.....	35
Điều 53: Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	36
CHƯƠNG V	37
NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY	37
Điều 54: Quyền lợi của người lao động trong Công ty	37
CHƯƠNG VI.....	38
HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUÝ.....	38

Điều 55: Hạch toán.....	38
Điều 56: Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ	38
Điều 57: Cổ tức.....	38
Điều 58: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ.....	38
CHƯƠNG VII.....	39
TỔ TỤNG, TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, THANH LÝ	39
Điều 59: Chấm dứt hoạt động	39
Điều 60 : Thanh lý.....	39
Điều 61: Tổ tụng, tranh chấp.....	39
CHƯƠNG VIII.....	40
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....	40
Điều 62: Con dấu.....	40
Điều 63 : Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	40
Điều 64 : Hiệu lực thi hành.....	40

1c op daut 26/5/2018

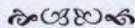
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN KINH DOANH LƯƠNG THỰC-THỰC PHẨM HÀ NỘI

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp Nhà nước số 14/2003/QH11 ngày 26-11-2003;
- Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/1999;
- Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 03/02/2000 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định số 4464/QĐ/BNN-TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ NN&PTNT về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Chế biến Kinh doanh Lương thực-Thực phẩm Hà nội thành Công ty cổ phần;

Chúng tôi, những Cổ đông và đại diện Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Chế biến Kinh doanh Lương thực-Thực phẩm Hà nội vào ngày 09 tháng 03 năm 2006 đã nhất trí thông qua nội dung bản Điều lệ và cùng nhau cam kết thực hiện những quy định trong Điều lệ này.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.



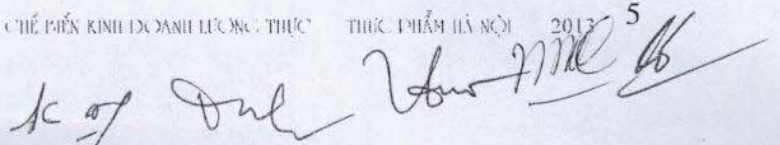
Handwritten signatures and initials

MỞ ĐẦU

MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA

Điều lệ này sử dụng một số cụm được hiểu theo các định nghĩa như sau:

- 1- “Đối thủ cạnh tranh” gồm các tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc sản xuất, bán, phân phối, tiếp thị mặt hàng “Nước giải khát” (ngoại trừ các sản phẩm nước giải khát do PEPSICO hoặc Công ty sản xuất).
- 2- “Nước giải khát” là tất cả các loại nước ngọt (có ga, không có ga), nước uống thể thao, nước uống từ trái cây, nước đóng chai, trà, cà phê, sữa đậu nành, nước tăng lực, nước trái cây.
- 3- “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các thành viên góp và được ghi vào điều lệ Công ty.
- 4- “Người quản lý doanh nghiệp” là các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, Phó giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Nhà máy, Trưởng phòng, Quản đốc xưởng trực thuộc Công ty.
- 5- “Người có liên quan” là những người có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: Vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý doanh nghiệp (hoặc thành viên Công ty hoặc Cổ đông có cổ phần chi phối).
- 6- Các khái niệm khác sử dụng trong Điều lệ này theo quy định của luật công ty.



CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên Công ty

1.1. Tên công ty:

Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN KINH DOANH LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM HÀ NỘI

Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh là:

HANOI FOOD PROCESSING & TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên giao dịch của Công ty là: **HANOI FOOD JSC**

1.2. Hình thức :

Công ty cổ phần Chế biến kinh doanh lương thực-thực phẩm Hà nội (sau đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCNVN khoá X kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12/06/1999.

Điều 2: Trụ sở Công ty, địa bàn hoạt động

Trụ sở Công ty

Trụ sở chính : 67A Trương Định-Phường Trương Định-Quận Hai Bà Trưng-Hà Nội.

Điện thoại : (04).8631515-8635394

Fax : (04).8631089

E-mail : *hanoifood@hn.vnn.vn*

Địa bàn hoạt động: trong và ngoài nước.

Khi cần thiết Hội đồng quản trị quyết định thành lập thêm các chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 3: Tư cách pháp nhân

Công ty cổ phần Chế biến kinh doanh lương thực-thực phẩm Hà nội :

- 3.1 Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- 3.2 Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- 3.3 Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- 3.4 Chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Doanh nghiệp trong phạm vi vốn điều lệ;

Trần Văn Hùng *Nguyễn Văn Hùng*

- 3.5 Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính;
- 3.6 Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4: Mục tiêu và lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty

4.1 Mục tiêu:

Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước, nhằm nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của Doanh nghiệp, thay đổi phương thức quản lý với nhiều chủ sở hữu trong đó có đông đảo người lao động, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản Nhà nước và của Doanh nghiệp.

4.2 Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

STT	Tên ngành nghề	Mã số
	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: - Chế biến và đóng hộp thủy sản; - Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; - Chế biến và bảo quản thủy sản khô; - Chế biến và bảo quản nước mắm	1020
	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất giấm; - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm;; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn để hóng như: bánh sandwich, bánh pizza	1079
	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
	Sản xuất rượu vang	1102
	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
	In ấn	1811

10/07/2018

Trần Minh

Dịch vụ liên quan đến in	1812
Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: - Sản xuất bao bì từ plastic	2220
Xây dựng nhà các loại	4100
Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý	4610
Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;	4933
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
Kinh doanh thực phẩm chức năng	Luật an toàn thực phẩm số: 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010.
Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ	4781
Bán buôn thực phẩm	4632
Bán buôn gạo	4631
Bán buôn đồ uống	4633
Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	

Tùy từng thời điểm Công ty có thể mở rộng thêm các hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật cho phép. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm được xác định theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh hợp lệ do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Điều 5: Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn tính từ ngày hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và được tiến hành theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và quản trị điều hành Công ty

- Công ty cổ phần Chế biến kinh doanh lương thực-thực phẩm Hà nội luôn có ít nhất 3 (ba) cổ đông trở lên. Các cổ đông tham gia góp vốn đều là đồng chủ sở hữu Công

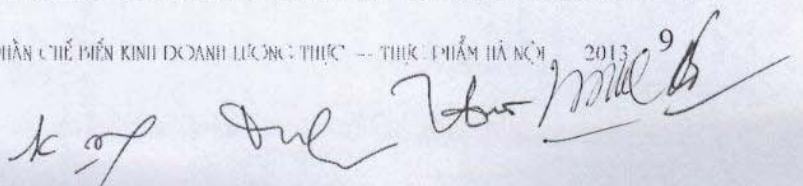
[Handwritten signatures and initials]

ty. Cổ đông có thể là pháp nhân hay thể nhân. Cổ đông chỉ được hưởng quyền lợi và chịu trách nhiệm về tài chính trong phạm vi số vốn cổ phần mà họ đã góp đủ;

- Công ty được tổ chức quản trị và điều hành theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định khác trong bản Điều lệ này;
- Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định cao nhất của Công ty; Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị Công ty giữa các kỳ đại hội và bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty;
- Quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm;
- Giúp việc cho Giám đốc Công ty điều hành hoạt động hàng ngày là các Phó giám đốc Công ty, Kế toán trưởng và các phòng, ban Công ty;
- Các đơn vị thành viên của Công ty bao gồm các chi nhánh, văn phòng đại diện và công ty trực thuộc.

Điều 7: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

Handwritten signatures and stamps at the bottom of the page. There are several signatures in black ink, some of which are quite stylized. To the right, there is a red circular stamp with some text inside, and another red stamp below it. The text "2013" is printed near the stamps.

CHƯƠNG II QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

MỤC 1 QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

Điều 8: Quyền của Công ty

8.1 Quyền quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài sản được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm; mở rộng quy mô theo khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường; Tự tìm hiểu thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước; được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật;
- Quyết định giá mua, giá bán, vật tư, nguyên liệu, sản phẩm, dịch vụ chủ yếu (trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá); Được quyền bảo hộ và quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi, xuất xứ hàng hoá theo quy định của luật pháp Việt Nam;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể Công ty; thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc; Được mở tài khoản ở nước ngoài, được đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động hoặc cho thôi việc theo quy định của Bộ Luật Lao động, các quy định khác của pháp luật. Lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở cống hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động cán bộ theo thẩm quyền và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định khác của pháp luật;
- Mời khách nước ngoài tới làm việc hoặc cử cán bộ nhân viên của Công ty đi công tác ở nước ngoài phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định quản lý của Nhà nước;

Kepoul *Thư* *10/10/13*

- Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;
- Công ty có toàn quyền và nghĩa vụ trong tổ chức quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp;

8.2 Quyền quản lý tài chính của Công ty:

- Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng định đoạt tài sản của Công ty để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược kinh doanh của Công ty;
 - Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư kể cả liên doanh, liên kết, góp vốn, mua cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;
 - Lựa chọn hình thức, cách thức huy động vốn từ các nguồn trong và ngoài nước. Được phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật; Được thanh lý, chuyển nhượng, thay thế, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và nguyên tắc bảo toàn vốn;
- 8.3 Được kế thừa các quyền lợi hợp pháp của Doanh nghiệp nhà nước khi chuyển sang Công ty Cổ phần và hưởng các quyền khác do pháp luật quy định.

MỤC 2

NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 9: Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- 9.1 Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện;
- 9.2 Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường;
- 9.3 Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác;
- 9.4 Thực hiện các nghĩa vụ với người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động;
- 9.5 Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng chống cháy nổ;
- 9.6 Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo;
- 9.7 Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

10/20

10/20

10/20

Điều 10: Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

- 10.1 Thực hiện đúng chế độ và các quy định về hạch toán, kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty;
- 10.2 Bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;
- 10.3 Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty;
- 10.4 Công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 10.5 Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các khoản nộp ngân sách nhà nước và các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật;
- 10.6 Thực hiện đầy đủ các cam kết và chịu trách nhiệm vật chất đối với các khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG III
VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

MỤC 1 - VỐN

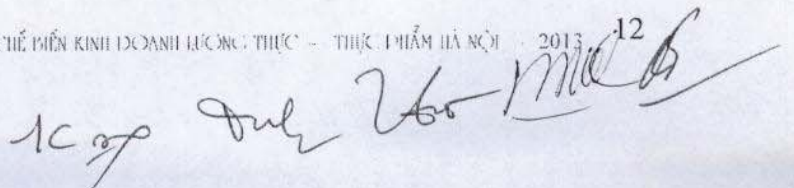
Điều 11: Các loại vốn của Công ty

Vốn hoạt động của Công ty gồm có: Vốn điều lệ, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác.

Điều 12: Vốn điều lệ

- 12.1 Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là 8.400.000.000 đồng (Tám tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn).
- 12.2 Cơ cấu vốn tại thời điểm thành lập phân theo sở hữu gồm:

	Tỷ lệ	Trị giá
- Vốn nhà nước:	20%	1.680.000.000 đồng
- Vốn của CBCNV trong Công ty:	70,27%	5.902.800.000 đồng
- Vốn của các cổ đông khác:	9,73%	817.200.000 đồng
- 12.3 Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ của Công ty tại từng thời điểm được xác định theo số liệu về vốn điều lệ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh hợp lệ do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.
- 12.4 Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được các cổ đông của Công ty góp dưới hình thức mua phần vốn Nhà nước của Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá, thanh toán bằng tiền mặt;



12.5 Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho các mục đích:

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc thiết bị, mở rộng quy mô hoạt động.
- Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ, công nghệ
- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh
- Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản
- Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty

12.6 Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác nhưng không trái với pháp luật hiện hành.

12.7 Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, điều khoản này sẽ thay đổi tương ứng.

Điều 13: Vốn huy động

Các hình thức huy động vốn của Công ty bao gồm:

- 13.1 Phát hành các loại chứng khoán khi có đủ điều kiện và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- 13.2 Vay vốn của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
- 13.3 Các hình thức huy động vốn khác được pháp luật cho phép.

Điều 14: Vốn tích lũy

Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, được sử dụng để mở rộng và phát triển Công ty.

MỤC 2

CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 15: Cổ phần, cổ phiếu

- 15.1 Vốn điều lệ ban đầu của Công ty được chia thành 84.000 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng);
- 15.2 Cổ phần có thể được góp bằng hiện vật, vàng, ngoại tệ, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, công nghệ cần thiết cho hoạt động của Công ty và phải được Hội đồng quản trị đánh giá lại theo đúng quy định của pháp luật, được tính thành tiền Việt Nam (VNĐ) để xác định số lượng cổ phần ngay tại thời điểm góp vốn.
- 15.3 Cổ phiếu của Công ty là chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành để xác nhận các quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của các cổ đông góp vốn trong Công ty;
- 15.4 Số tiền ghi trên cổ phiếu là mệnh giá cổ phiếu. Mệnh giá cổ phiếu là giá trị danh nghĩa của số cổ phần ghi trên cổ phiếu. Cổ phiếu của Công ty có nhiều mệnh giá, mệnh giá tối thiểu của một cổ phiếu bằng 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

10/07/2013 *Uo* *mm* *ds*

Điều 16: Các loại cổ phần

- 16.1 Công ty có thể phát hành các loại cổ phần gồm: Cổ phần phổ thông, Cổ phần ưu đãi.
- 16.2 Cổ phần mà Công ty phát hành lần đầu khi thực hiện cổ phần hóa là cổ phần phổ thông, bao gồm:
- Cổ phần mua theo giá ưu đãi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp;
 - Cổ phần của nhà nước nắm giữ khi cổ phần hóa;
 - Cổ phần của các cổ đông mua theo hình thức đấu giá.
- 16.3 Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17: Hình thức cổ phiếu

- 17.1 Cổ phiếu của Công ty có thể ghi tên hoặc không ghi tên và được in dưới dạng là Sổ Chứng nhận cổ đông.
- 17.2 Nội dung ghi chép trên cổ phiếu bao gồm:
- a. Tên, trụ sở chính của Công ty;
 - b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - d. Mệnh giá 01 cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - e. Tên cổ đông (đối với cổ phiếu có ghi tên);
 - f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
 - h. Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - i. Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi phải có thêm: hình thức ưu đãi, điều kiện chuyển nhượng;
- 17.3 Công ty cổ phần Chế biến kinh doanh lương thực-thực phẩm Hà nội phát hành hai loại Sổ chứng nhận cổ đông:
- a. Cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện:
 - Các cổ phiếu loại này đều là cổ phiếu có ghi tên.
 - Việc chuyển nhượng cổ phiếu này phải tuân theo các quy định tại Điều 20 của bản Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.
 - b. Cổ phiếu được tự do chuyển nhượng :
 - Dùng cho cổ phần phổ thông của các cổ đông còn lại ngoại trừ các đối tượng cổ đông được nêu tại khoản 17.3.a nêu trên;
 - Cổ phiếu loại này không ghi tên hoặc có thể ghi tên (theo yêu cầu);
 - Cổ phiếu ghi tên đã được chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này.

1c op đưc *Ưn/m* *đ*

Điều 18: Sổ đăng ký cổ đông

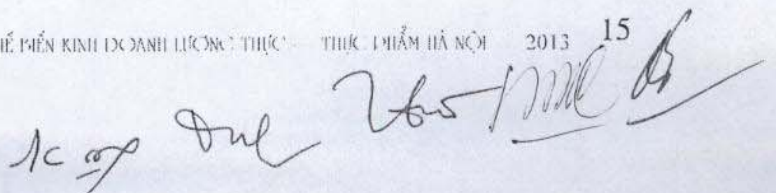
- 18.1 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ dưới dạng văn bản và tập dữ liệu điện tử tại trụ sở chính của Công ty;
- 18.2 Nội dung của sổ đăng ký cổ đông:
- Tên, trụ sở của Công ty;
 - Tổng số cổ phần được quyền chào bán;
 - Tổng số cổ phần đã bán và giá trị cổ phần đã góp;
 - Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

Điều 19: Chào bán cổ phần

- 19.1 Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau:
- a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ;
 - b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh phát hành. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh;
 - c. Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định.
- 19.2 Sau khi thanh toán đủ tiền cho cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu cho các cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị rách, bị mờ, hư hỏng hay bị mất, thì cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải thông báo cho Công ty bằng văn bản một cách sớm nhất và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do Công ty quy định;
- 19.3 Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 19.4 Không được chào bán cổ phần cho các “Đối thủ cạnh tranh” của Công ty. “Đối thủ cạnh tranh” của Công ty không được mua cổ phần của Công ty trong mọi trường hợp.

Điều 20: Chuyển nhượng cổ phần

- 20.1 Việc chuyển nhượng loại cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện phải được chấp thuận của toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn của cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị xem xét, xử lý việc chuyển nhượng. Trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo rõ lý do bằng văn bản cho cổ đông;
- 20.2 Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian đương nhiệm không được quyền chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình; trường hợp đặc biệt thành viên Hội đồng quản trị được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình khi 100% thành viên Hội đồng quản trị đồng ý.
- 20.3 Thành viên của Hội đồng quản trị được phép chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình thì phải dành ưu tiên cho những thành viên khác trong Hội đồng quản trị mua. Nếu trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chuyển nhượng mà



những người trong diện này không mua thì có quyền chuyển nhượng cho những người khác với các điều kiện chuyển nhượng không được phép thuận lợi hơn đối với các thành viên của Hội đồng quản trị.

- 20.4 Cán bộ công nhân viên mua Cổ phần trả chậm với giá ưu đãi của Nhà nước khi cổ phần hoá không được chuyển nhượng trước khi thanh toán đủ số tiền còn thiếu. Những loại cổ phần mà luật pháp qui định hạn chế các điều kiện chuyển nhượng thì việc chuyển nhượng phải tuân thủ các điều kiện qui định của pháp luật; trường hợp đặc biệt phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và tuân thủ quy định về chuyển nhượng cổ phần của Công ty;
- 20.5 Cổ phần ưu đãi của cổ đông được chuyển nhượng theo quy định cụ thể của Công ty đối với mỗi lần phát hành.
- 20.6 Cổ phần phổ thông của cổ đông không phải là thành viên Hội đồng quản trị được chuyển nhượng tự do và tuân thủ theo quy định về quản lý cổ đông của Công ty;
- 20.7 Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty; cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Sau 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế này đều được bãi bỏ;
- 20.8 Không được chuyển nhượng cổ phần cho “Đối thủ cạnh tranh” của Công ty. Khi HĐQT phát hiện ra người nhận chuyển nhượng là “Đối thủ cạnh tranh” của Công ty thì việc chuyển nhượng sẽ không được chấp thuận (hoặc việc chấp thuận trước đó sẽ bị huỷ bỏ).

Điều 21: Thừa kế cổ phần

- 21.1 Trường hợp một cổ đông qua đời, chỉ người (những người) sau đây được Công ty công nhận có quyền sở hữu đối với cổ phần của người đã mất:
- a. Người thừa kế hợp pháp duy nhất theo quy định của pháp luật về thừa kế;
 - b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty chỉ thừa nhận người đại diện sở hữu này và không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
- 21.2 Người có quyền thừa kế hợp pháp sẽ được đăng ký sở hữu cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông và được hưởng quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.
- 21.3 Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế thì cổ phần sở hữu tương ứng được xử lý theo quy định của pháp luật.
- 21.4 Trong trường hợp cổ đông qua đời là thành viên HĐQT, BKS thì vấn đề thừa kế cũng được xử lý như trên, nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, BKS và các chức danh quản lý tương ứng;

Scop Duh *Vào* *MM*

- 21.5 Trường hợp người thừa kế cổ phần là “Đối thủ cạnh tranh” của Công ty thì người thừa kế phải bán số cổ phần thừa kế đó cho Công ty hoặc cho người khác theo các điều kiện của Điều lệ này; Trong thời gian chưa nhượng bán được cổ phần thì người thừa kế đó chỉ có quyền duy nhất là hưởng cổ tức trên số cổ phần được thừa kế.

Điều 22: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Công ty

- 22.1 Tất cả các cổ phần Công ty mua lại được coi là số cổ phần ngân quỹ của Công ty;
- 22.2 Một cổ đông khi bị phát hiện là “Đối thủ cạnh tranh” của Công ty thì cổ đông đó phải nhượng bán số cổ phần của mình cho Công ty hoặc cho người khác theo các điều kiện của Điều lệ này. Trong thời gian chưa nhượng bán được cổ phần thì cổ đông là “Đối thủ cạnh tranh” của Công ty chỉ có quyền duy nhất là hưởng cổ tức trên số cổ phần đang sở hữu.
- 22.3 Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 23: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

- 23.1 Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ này. Cổ đông có yêu cầu phải làm thủ tục và chấp hành thời hạn theo luật định. Thời hạn mua lại trong 90 ngày kể từ ngày Công ty nhận được yêu cầu;
- 23.2 Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại (theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty), nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định trên, các cổ đông đã được thanh toán phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty;
- 23.3 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại;
- 23.4 Giá mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định và theo các nguyên tắc sau:
- Đối với cổ phần phổ thông, giá mua không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại;
 - Đối với cổ phần ưu đãi, giá mua không được thấp hơn giá thị trường;
 - Công ty trực tiếp mua lại cổ phần của cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty; trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần phải được thông báo tới tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định.

10/07/2013
Trần Văn Hùng

MỤC 3 CỔ ĐÔNG

Điều 24: Quy định chung về cổ đông

- 24.1 Cổ đông của Công ty là những pháp nhân hoặc thể nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty theo qui định của pháp luật. Số lượng cổ đông tối thiểu là 3 (ba) và không hạn chế số lượng tối đa;
- 24.2 Cổ đông sáng lập của Công ty là các cổ đông phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
- Tham gia thông qua Điều lệ đầu tiên của Công ty;
 - Cùng nhau nắm giữ tối thiểu 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty;
 - Sở hữu số lượng cổ phần bảo đảm mức tối thiểu là 10% vốn điều lệ xác định khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần.
- 24.3 Trường hợp một cổ đông là pháp nhân thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp, thì pháp nhân mới được kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông và pháp nhân mới phải gửi cho Hội đồng quản trị Công ty các văn bản pháp lý về việc kế thừa;
- 24.4 Trường hợp một cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc thể nhân khác hoặc yêu cầu Công ty mua lại theo điều kiện quy định tại Điều 23 của bản Điều lệ này.

Điều 25: Quyền lợi của cổ đông

- 25.1 Quyền lợi của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông:
- a. Được nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông nắm giữ hoặc đại diện tối thiểu từ 0,6 % cổ phần trở lên (bao gồm số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền) có quyền được tham dự ĐHĐCĐ;
 - c. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều 20 của bản Điều lệ này;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - e. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ theo qui định của pháp luật;
 - f. Được cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của Công ty;
 - g. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhưng không được ủy quyền cho các "Đối thủ cạnh tranh" của Công ty;
 - h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền:
 - Ứng cử, đề cử các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định chi tiết tại điều 37 và điều 51 Điều lệ này;

1c op *Đinh Văn Minh*

- Kiểm tra và nhận bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
- Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại khoản 30.1 của Điều lệ này.

i. Các quyền khác được quy định theo pháp luật và Điều lệ này.

25.2 Quyền lợi của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi sẽ được Đại hội đồng cổ đông qui định cụ thể khi phát hành.

Điều 26: Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông

- 26.1 Thanh toán đủ tiền mua cổ phần cho số cổ phần đã đăng ký mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
- 26.2 Không được rút vốn điều lệ dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động;
- 26.3 Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- 26.4 Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- 26.5 Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty;
- 26.6 Thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định trong bản Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV
TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH, KIỂM SOÁT
MỤC 1
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 27: Đại hội đồng cổ đông:

- 27.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất một năm một lần;
- 27.2 Trong trường hợp Công ty gặp khó khăn về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thì Đại hội đại biểu cổ đông sẽ thay thế Đại hội đồng cổ đông và khi đó Đại hội đại biểu cổ đông có đầy đủ các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ này.
- 27.3 Đại hội đồng cổ đông gồm: Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

1c op duy Tho / mml

Điều 28: Đại hội đồng cổ đông thành lập

Đại hội đồng cổ đông thành lập do Ban Đổi mới và quản lý doanh nghiệp Công ty Chế biến kinh doanh lương thực-thực phẩm Hà nội triệu tập;

Đại hội đồng cổ đông thành lập có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Thảo luận và thông qua Điều lệ;
- Bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- Thông qua phương án sản xuất kinh doanh;
- Quyết định tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 29: Đại hội đồng cổ đông thường niên

Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền được quy định tại Điều 32 của bản Điều lệ này.

Điều 30: Đại hội đồng cổ đông bất thường

30.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng, hoặc của Ban kiểm soát nếu có lý do tin tưởng rằng Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý theo quy định tại Điều 49 trong bản Điều lệ này;
- Bãi miễn, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

30.2 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện nêu tại khoản 30.1;

30.3 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, trong vòng 30 ngày tiếp theo Ban kiểm soát sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;

30.4 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 30.1 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

Điều 31: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông; Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông; Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

31.1 Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định khác của Điều lệ này.

1c op *Đinh Văn Minh*

- 31.2 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty; Xác định thời gian và địa điểm đại hội; Gửi thông báo mời họp cho các cổ đông có quyền tham gia đại hội.
- 31.3 Thông báo về Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện (hoặc qua fax hoặc thư điện tử) tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông. Trong trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty thì có thể thông báo thông qua hệ thống thông tin nội bộ của Công ty. Thông báo phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.
- 31.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông cùng nhau sở hữu cổ phần phổ thông chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ liên tục trong vòng 6 tháng trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và gửi cho Hội đồng quản trị ít nhất 03 ngày trước khi bắt đầu khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
- 31.5 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất theo khoản 31.4 nếu: Đề xuất không được gửi đúng thời hạn; hoặc nội dung của đề xuất không đúng hoặc không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 31.6 Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.
- 31.7 Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra Chủ tọa của đại hội. Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị.
- 31.8 Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.
- 31.9 Điều kiện tiến hành Đại hội:
- a. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện qui định tại khoản 31.9.a thì được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai phải có số cổ đông và đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - c- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện qui định tại khoản 31.9.b thì được triệu tập họp lần thứ ba trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai và đại hội lần này được tiến hành không phụ thuộc số lượng cổ đông và đại diện uỷ quyền tham dự.

Ac op dul *Uhu fme* *ds*

- 31.10 Trước ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- 31.11 Mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được cấp một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của người đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng thẻ biểu quyết.
- 31.12 Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đã đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký và kết quả của các biểu quyết đã tiến hành vẫn có hiệu lực.
- 31.13 Chỉ có Đại hội cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình đã được gửi kèm theo giấy mời họp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- 31.14 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nếu:
- Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự cuộc họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Trong trường hợp đó Đại hội phải họp lại sau không quá 3 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Đại hội sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
- 31.15 Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền :
- Yêu cầu những người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất ra khỏi cuộc họp những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh.

31.16 Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Chương trình làm việc, tên chủ tọa và thư ký;
- c. Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự;
- d. Tóm tắt các phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;
- e. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua;
- f. Tổng số phiếu đối với từng vấn đề biểu quyết;
- g. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

10/07/2013

[Handwritten signature]

31.17 Chi phí cần thiết, hợp lý để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông do Công ty thanh toán; các chi phí này sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chi để tham dự Đại hội đồng cổ đông như chi phí đi lại, lưu trú và các chi phí liên quan khác.

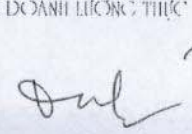
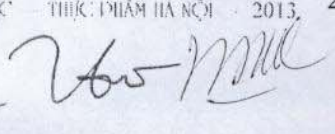
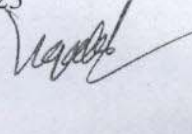
Điều 32: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh.
- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát; Phê chuẩn báo cáo quyết toán năm tài chính; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
- Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ, loại cổ phần phát hành mới và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc trên 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;
- Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; ấn định về mức thù lao và các quyền lợi cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cho cổ đông của Công ty;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty, các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 33: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 33.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền xem danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- 33.2 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng;

1c gyl   

33.3 Cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông, và có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông;

33.4 Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông:

- Cổ đông có thể trực tiếp dự họp hay ủy quyền bằng văn bản cho một người khác đại diện mình tham dự Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền phải là cổ đông của Công ty;
- Người được ủy quyền phải trình văn bản ủy quyền cho Ban tổ chức Đại hội mới được thực hiện các quyền hạn được ủy quyền;
- Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu;
- Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba;
- Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng cách lập văn bản thông báo gửi cho Hội đồng quản trị trước ngày Đại hội đồng cổ đông được tiến hành.
- Người ủy quyền không được ủy quyền cho “Đối thủ cạnh tranh” của Công ty.

Điều 34: Thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

34.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến của tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội bằng văn bản.

34.2 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

- Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận bằng biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín;
- Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng quy định.

34.3 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết chấp thuận;

1cgy *Paul* *Thư* *1m* *15*

34.4 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo bằng văn bản đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

Điều 35: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu tòa án xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;
- Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty.

MỤC 2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36: Tổ chức Hội đồng quản trị

36.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty. Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm với đa số phiếu biểu quyết chấp thuận theo thể thức bỏ phiếu kín.

36.2 Chủ tịch hội đồng quản trị do các thành viên Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị;

36.3 Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị là 05 năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

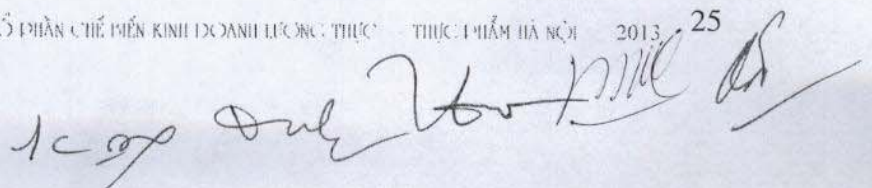
Điều 37: Tiêu chuẩn ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

37.1 Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau:

- a. Phải là cổ đông của Công ty hoặc đại diện cho phần vốn của nhà nước tại Công ty.
- b. Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần được nêu dưới đây ứng cử, đề cử theo nguyên tắc :

b1. Đại diện cho quyền sở hữu của cổ đông pháp nhân nắm giữ :

- Từ 5% đến 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 06 tháng liên tục có quyền đề cử, ứng cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.
- Từ trên 15% đến 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 06 tháng liên tục có quyền đề cử, ứng cử 02 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.
- Từ trên 30% đến 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 06 tháng liên tục có quyền đề cử, ứng cử 03 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.



- Trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 06 tháng liên tục có quyền đề cử, ứng cử 04 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.
 - b2. Các cổ đông cá nhân nắm giữ, hoặc nhóm cổ đông cá nhân nắm giữ, hoặc đại diện được ủy quyền của nhóm cổ đông nắm giữ:
 - Từ trên 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 06 tháng liên tục có quyền đề cử, ứng cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.
 - Từ trên 20% đến 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 06 tháng liên tục có quyền đề cử, ứng cử 02 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.
 - Từ trên 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 06 tháng liên tục có quyền đề cử, ứng cử 03 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.
 - c. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - d. Có năng lực và kinh nghiệm trong kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
 - e. Có sức khỏe, có đạo đức, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.
- 37.2 Các cổ đông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 37.1.b để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo cho Công ty (bằng văn bản kèm theo danh sách có chữ ký của tất cả các cổ đông trong nhóm, hoặc giấy ủy quyền của các cổ đông) 03 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
- 37.3 Thành viên của Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông bầu từ các ứng cử viên (thỏa mãn yêu cầu theo qui định tại khoản 37.1).
- 37.4 Nếu sau khi áp dụng khoản 37.1.b mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết cho Hội đồng quản trị thì Đại hội đồng cổ đông được đề cử thêm.
- 37.5 Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 38: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 38.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- 38.2 Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch; Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người làm việc chính thức tại Công ty;
- 38.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm Giám đốc Công ty, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quy định khác;
- 38.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

1c gđ *Đỗ Văn Minh*

- Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ này.

- 38.5 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- 38.6 Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi, thời hạn quy định tại giấy ủy quyền và không được ủy quyền lại cho người thứ ba;

Điều 39: Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

39.1 Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;
- b. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành của Công ty; các quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- c. Quyết định thành lập công ty trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện;
- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc Công ty;
- e. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện công ty, Giám đốc công ty trực thuộc theo đề nghị của Giám đốc Công ty;
- f. Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác của Giám đốc Công ty;
- g. Xem xét và quyết định hình thức xử lý sai phạm của Giám đốc Công ty gây thiệt hại cho Công ty và quyết định các biện pháp cần thiết để khắc phục;
- h. Quyết định mức lương, thưởng và hình thức xử lý kỷ luật đối với những sai phạm của các cán bộ quản lý Công ty quy định tại khoản 39.1.e theo đề nghị của Giám đốc Công ty;
- i. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định giá chào bán cổ phần của Công ty;
- j. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại; quyết định giá mua lại cổ phần;
- k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- l. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Quyết định chính sách đầu tư của Công ty; thông qua phương án đầu tư do Giám đốc Công ty đề trình;

1c gđ sul *Uho* *Mill* *h*

- n. Quyết định bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công ty;
- o. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công ty trong trường hợp một bên ký kết của hợp đồng là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và người có liên quan của họ. Trường hợp này thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký kết hợp đồng không có quyền biểu quyết;
- p. Phê chuẩn việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- q. Thông qua việc định giá tài sản vốn góp không phải là tiền Việt Nam: ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, công nghệ và các tài sản khác;
- r. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- s. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty.

39.2 Trách nhiệm của Hội đồng quản trị sau Đại hội đồng cổ đông thành lập:

Hội đồng quản trị được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thành lập có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ tài sản, lao động, hồ sơ tài liệu của Công ty và giải quyết tiếp các công việc còn lại của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp; hoàn tất các thủ tục quy định để đưa Công ty chính thức đi vào hoạt động và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những công việc này.

Điều 40: Hoạt động của Hội đồng quản trị

- 40.1 Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý 01 lần; trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá 05 tháng để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Phiên họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa;
- 40.2 Hội đồng quản trị sẽ triệu tập phiên họp bất thường khi có yêu cầu của một trong các đối tượng sau:
 - Giám đốc Công ty hoặc ít nhất năm nhân viên quản lý;
 - Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - 2/3 số thành viên trong Ban Kiểm soát.

10/07/2013 *Đul* *Thư* *mil* *th*

- 40.3 Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- 40.4 Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 40.5 Biểu quyết:
- Trừ quy định tại mục b. khoản 40.5, mỗi thành viên Hội đồng hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - Một thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ nghị quyết nào thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - Trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng.
- 40.6 Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.
- 40.7 Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì cho thư ký không muộn hơn một tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.
- 40.8 Nghị quyết bằng văn bản có giá trị khi :
- Được ký bởi những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Số lượng những thành viên ký không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng.

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

40.9 Biên bản cuộc họp:

1c gp *Ưu* *mic*

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản lập bằng tiếng Việt và được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải nêu rõ ít nhất các nội dung sau đây:

- a. Thời gian và địa điểm họp;
- b. Họ tên thành viên tham dự;
- c. Chương trình họp;
- d. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến tại phiên họp;
- f. Các quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua;
- g. Chữ ký, ghi rõ họ tên của chủ tọa phiên họp và thư ký.

Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

40.10 Những người được mời họp dự thính:

Giám đốc Công ty, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng.

40.11 Thành viên Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a. Đánh giá kết quả hoạt động và xây dựng phương hướng phát triển của Công ty trong từng thời kỳ;
- b. Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;
- c. Thực hiện Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội của đồng quản trị;
- d. Được quyền yêu cầu các cán bộ trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- e. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 41: Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

41.1 Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a. Chết, hoặc bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

1cgyoul *Uo* *MM* *B*

- b. Có đơn xin từ chức bằng văn bản gửi tới trụ sở chính của Công ty;
- c. Không còn là cổ đông, hoặc không còn là đại diện phần vốn nhà nước (nếu là người đã được đề cử do đại diện phần vốn nhà nước)
- d. Không tham dự các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng ba kỳ họp Hội đồng quản trị liên tiếp mà không được phép của Hội đồng quản trị;
- e. Không còn đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

41.2 Thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét;
- b. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì trong vòng 10 ngày Hội đồng quản trị phải họp bất thường để bầu người thay thế;
- c. Nếu khuyết 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 42: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

- 42.1 Mỗi thành viên Hội đồng quản trị đều được hưởng thù lao với mức thù lao do tập thể Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- 42.2 Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
- 42.3 Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, lưu trú và các khoản chi phí cần thiết và hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
- 42.4 Mọi chi phí hoạt động hợp lý của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty theo qui định của pháp luật.

1c gp đưc Vũ

MỤC 3

GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 43: Giám đốc Công ty

- 43.1 Giám đốc Công ty là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm; Giám đốc Công ty có thể là thành viên Hội đồng quản trị;
- 43.2 Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

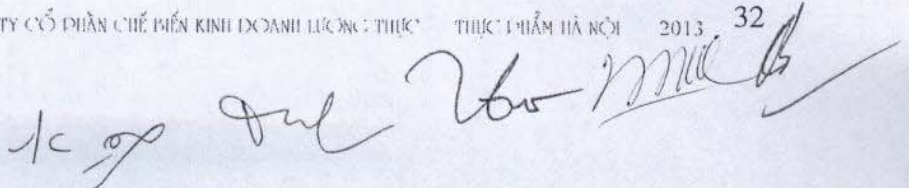
Điều 44: Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc Công ty

Giám đốc Công ty Công ty phải là người có đầy đủ các điều kiện sau:

- Có trình độ đại học trở lên thuộc các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh hay kỹ thuật có liên quan, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật;
- Không được đồng thời làm Giám đốc tại Công ty khác, trừ trường hợp đó là đơn vị trực thuộc của Công ty.
- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 45: Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc Công ty

- 45.1 Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
- 45.2 Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê chuẩn cơ cấu tổ chức, bộ máy giúp việc và quy chế quản lý nội bộ Công ty. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm;
- 45.3 Bảo toàn và phát triển vốn. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm; Tổ chức thực hiện phương án sản xuất kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- 45.4 Ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty trừ những hợp đồng quy định tại Điều 39 của bản Điều lệ này phải trình Hội đồng quản trị trước khi ký;
- 45.5 Trình Hội đồng quản trị việc bán số tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty;
- 45.6 Quyết định mức lương, phụ cấp, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 45.7 Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát;



- 45.8 Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty trừ những trường hợp Điều lệ quy định khác;
- 45.9 Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đồng thời phải có trách nhiệm báo cáo ngay cho Ban kiểm soát;
- 45.10 Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
- 45.11 Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- 45.12 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty.

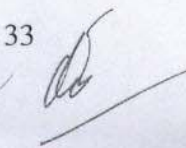
Điều 46: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

- 46.1 Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ thì Giám đốc Công ty chỉ được ký kết theo quy định sau:
- Đối với các hợp đồng trị giá bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;
 - Đối với các hợp đồng trị giá từ 10% đến dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.
- 46.2 Trường hợp hợp đồng quy định tại điều 46.1 trên được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường.

Điều 47: Ủy quyền

- 47.1 Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho các Phó Giám đốc Công ty hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền của mình;
- 47.2 Các trưởng phòng, ban trong Công ty có thể ủy quyền cho các nhân viên cấp dưới của mình;
- 47.3 Mọi sự ủy quyền đều phải thực hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền và thời hạn ủy quyền.

10/9

Điều 48: Từ nhiệm, đương nhiệm mất tư cách

- 48.1 Giám đốc Công ty muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định;
- 48.2 Giám đốc Công ty đương nhiên mất tư cách Giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp sau :
- Bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - Mất quyền công dân;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 48.3 Nếu Giám đốc Công ty bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải chỉ định một Phó Giám đốc Công ty tạm thời thay thế. Trong thời hạn 30 ngày, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bổ nhiệm Giám đốc Công ty mới.

Điều 49: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau:

- 49.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty;
- 49.2 Không được lạm dụng địa vị, uy tín và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;
- 49.3 Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:
- a. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết;
 - b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;
 - c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này;
 - d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.
- 49.4 Phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 49.5 Các quyền hạn và nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

(Handwritten signatures and stamps)

MỤC 4

BAN KIỂM SOÁT

Điều 50: Tổ chức Ban kiểm soát

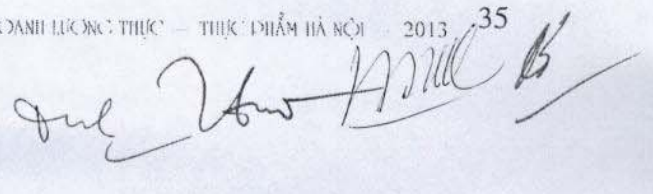
- 50.1 Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty;
- 50.2 Ban kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín; kiểm soát viên có thể được bầu lại;
- 50.3 Trưởng Ban kiểm soát do các kiểm soát viên bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp, bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết;
- 50.4 Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 60 ngày để hoàn thành các công việc còn tồn đọng.

Điều 51: Tiêu chuẩn ứng cử, đề cử, lựa chọn Kiểm soát viên

- 51.1 Mỗi cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử 01 ứng viên vào Ban Kiểm soát.
- 51.2 Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% tổng cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 06 tháng liên tục trở lên có thể tập hợp các phiếu bầu vào với nhau để cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được phép đề cử 01 người; nếu từ 30% đến dưới 50% họ được đề cử 02 người; từ trên 50% được đề cử 03 người.
- 51.3 Kiểm soát viên phải là người trung thực, am hiểu kỹ thuật, nghiệp vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và đủ tiêu chuẩn theo qui định của pháp luật. Trong Ban kiểm soát ít nhất phải có một Kiểm soát viên có chuyên môn về tài chính-kế toán;
- 51.4 Những người không được làm Kiểm soát viên gồm:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng của Công ty; người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng của Công ty;
 - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt tù hoặc bị toà án tước quyền hành nghề.

Điều 52: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bổ sung kiểm soát viên

- 52.1 Kiểm soát viên muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi Đại hội đồng cổ đông;
- 52.2 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, mất tư cách trong các trường hợp sau:
 - a. Bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Có đơn xin từ chức;

1c 2p 

- c. Không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 tháng trở lên mà không được phép của Ban kiểm soát ;
 - d. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân (nếu do cổ đông pháp nhân đề cử);
 - e. Không còn đủ tư cách làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.
- 52.3 Trong nhiệm kỳ nếu khuyết Kiểm soát viên thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung. Trong trường hợp khuyết kiểm soát viên mà các Kiểm soát viên còn lại không có chuyên môn về tài chính - kế toán hoặc 2/3 (hai phần ba) kiểm soát viên trở lên bị khuyết thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 60 ngày để bầu bổ sung;

Điều 53: Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

53.1 Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty;
- b. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông (hay nhóm cổ đông) sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;
- c. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- d. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- e. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- g. Thông báo định kỳ kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị;
- h. Không được tiết lộ bí mật Công ty; không gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường cũng như gây gián đoạn trong điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty;
- i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

53.2 Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a. Tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật;

1c sp đưc *Uw* *mm* *H*

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban kiểm soát;
 - c. Được quyền tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến và đưa ra những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết;
 - d. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 53.3 Các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao. Tổng mức thù lao cho Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao cho từng thành viên Ban kiểm soát sẽ do tập thể Ban kiểm soát quyết định. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát là kiêm nhiệm thì hưởng lương trách nhiệm theo hệ số.
- 53.4 Mọi chi phí cho việc đi công tác, thực hiện nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông giao (bằng văn bản) được tính vào chi phí quản lý của công ty;

CHƯƠNG V

NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 54: Quyền lợi của người lao động trong Công ty

- 54.1 Người lao động trong Công ty được hưởng những quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của Pháp luật và của Công ty;
- 54.2 Giám đốc Công ty sẽ căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện của Công ty để xây dựng trình Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và những người lao động trong Công ty.
- 54.3 Chính sách đối với những người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhà nước khi chuyển sang làm việc tại Công ty:
- Được Công ty ký hợp đồng lao động, được đào tạo hay đào tạo lại để bố trí việc làm mới (nếu cần), được tiếp tục tham gia và hưởng quyền lợi về bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành;
 - Trong trường hợp Công ty do nhu cầu tổ chức lại hoạt động kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động ở doanh nghiệp nhà nước chuyển sang bị mất việc hoặc thôi việc, kể cả trường hợp tự nguyện thôi việc thì sẽ được hưởng trợ cấp mất việc, thôi việc theo quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty.

1c g poul *Utho* *Mike* *th*

CHƯƠNG VI

HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 55: Hạch toán

- 55.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó;
- 55.2 Công ty hạch toán kế toán theo đúng quy định của Luật kế toán và quy định tại các văn bản pháp lý về chế độ kế toán hiện hành;
- 55.3 Cuối mỗi niên khoá, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua báo cáo quyết toán tài chính để trình Đại hội đồng cổ đông;
- 55.4 Tóm tắt báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông;
- 55.5 Báo cáo tài chính, Báo cáo của Ban kiểm soát, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty trong thời hạn qui định của pháp luật.

Điều 56: Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ

- 56.1 Lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 56.3 Tỷ lệ trích lập các quỹ được quy định tại Quy chế quản lý Tài chính của Công ty.
- 56.4 Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

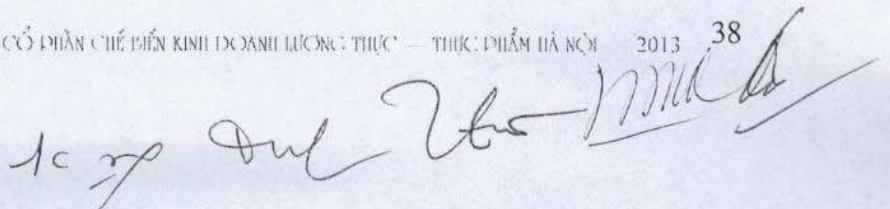
Điều 57: Cổ tức

- 57.1 Công ty được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;
- 57.2 Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày thực hiện trả cổ tức.
- 57.3 Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Điều 58: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết theo các giải pháp:

- a. Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ;

1c 7p 

- b. Chuyển một phần lỗ sang năm sau; đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG VII TỔ TỤNG, TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, THANH LÝ

Điều 59: Chấm dứt hoạt động

59.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi đăng ký kinh doanh;
- c. Bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp;
- d. Bị chấm dứt hoạt động theo qui định của pháp luật.

59.2 Thủ tục giải thể hay phá sản Công ty được tiến hành theo quy định của pháp luật.

Điều 60 : Thanh lý

60.1 Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để tiến hành các thủ tục theo qui định của pháp luật;

60.2 Tiền thu được từ thanh lý Công ty sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động trong Công ty;
- c. Thuế và các khoản chi phí có tính chất thuế mà Công ty phải nộp;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán các khoản mục từ a đến e nêu trên được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần nắm giữ.

Điều 61: Tổ tụng, tranh chấp

61.1 Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân và thể nhân khi có tổ tụng, tranh chấp;

61.2 Mọi cổ đông đều có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do sai phạm cố ý của bất kỳ cá nhân nào trong Công ty gây ra. Trong thời hạn 60 ngày, nếu Hội đồng quản trị không giải quyết khiếu nại, thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

10/7/2013
Đinh Văn Tuấn

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 62: Con dấu

- 62.1 Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của pháp luật và đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi sử dụng;
- 62.2 Giám đốc Công ty điều hành có trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 62.3 Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 63 : Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

- 63.1 Mọi sự bổ sung hay sửa đổi bản Điều lệ này phải được lập dưới hình thức một dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 65% số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hay qua đại diện;
- 63.2 Các nội dung khác không quy định trong bản Điều lệ này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

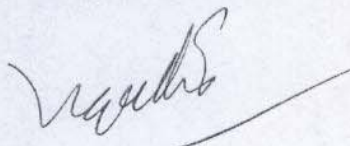
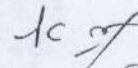
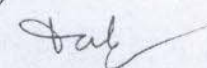
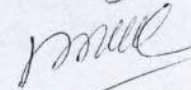
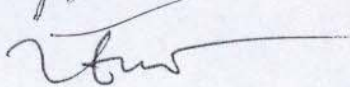
Điều 64 : Hiệu lực thi hành

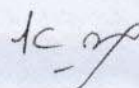
- 64.1 Bản Điều lệ này gồm 8 chương, 64 điều, được lập thành 10 bản chính có giá trị pháp lý ngang nhau và được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- 64.2 Các bản sao Điều lệ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của Trưởng Ban kiểm soát Công ty;
- 64.3 Bản Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày bản Điều lệ được đăng ký với Phòng Đăng ký kinh doanh có thẩm quyền sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

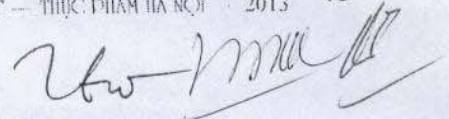
Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2013

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Ông PHÙNG NGỌC QUÝ
2. Bà KIỀU THỊ HƯỜNG
3. Bà ĐỖ THỊ OANH
4. Ông NGUYỄN TRUNG THỰC
5. Ông NGUYỄN VĂN TÍN





Số: 29/HNF/QĐ-ĐHĐCĐ/2013

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(Về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN KINH DOANH LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định trong Điều lệ của công ty;
- Căn cứ vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày: 25./04/2013
- Căn cứ vào hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của công ty như sau:

1. Mã hóa lại ngành nghề kinh doanh đã đăng ký như sau:

*** Ngành nghề kinh doanh đã đăng ký (chưa được mã hóa):**

STT	Tên ngành nghề
	- Chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm, nước giải khát
	- Thương nghiệp bán buôn, bán lẻ lương thực, nông sản, vật tư nông nghiệp và kinh doanh tổng hợp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật);
	- Xuất nhập khẩu sản phẩm và nguyên liệu phục vụ chế biến lương thực, thực phẩm, nước giải khát;
	- Sản xuất và in ấn bao bì (trừ loại nhà nước cấm);
	- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, khu vui

	chơi giải trí;
	- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
	- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, nhà khách, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
	- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
	- Đào tạo nghề trong lĩnh vực: chế biến thực phẩm, xây dựng, cơ khí điện, điện tử, khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
	- Kinh doanh bất động sản;
	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
	Sản xuất rượu vang;
	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
	Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
	Sản xuất các thực phẩm khác chưa được phân vào đâu như: sản xuất gia vị nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; sản xuất giấm; sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza; sản xuất men bia; sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; sản xuất sữa tách bơ và bơ; sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn I ốt
	Sản xuất các loại thực phẩm chức năng
	Chế biến và bảo quản nước mắm

*** Ngành nghề kinh doanh được mã hóa lại**

STT	Tên ngành nghề	Mã số
	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: - Chế biến và đóng hộp thủy sản; - Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; - Chế biến và bảo quản thủy sản khô; - Chế biến và bảo quản nước mắm	1020
	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất giấm; - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm;; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza	1079

0101
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
Sản xuất rượu vang	1102
Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
In ấn	1811
Dịch vụ liên quan đến in	1812
Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: - Sản xuất bao bì từ plastic	2220
Xây dựng nhà các loại	4100
Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý	4610
Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;	4933
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
Kinh doanh thực phẩm chức năng	Luật an toàn thực phẩm số: 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010.
Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
Bán buôn thực phẩm	4632
Bán buôn gạo	4631
Bán buôn đồ uống	4633
Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	

2. Sửa đổi điều lệ Công ty:

Sửa đổi điều lệ Công ty theo những nội dung thay đổi trên, cụ thể:

- Sửa đổi Điều 2 về ngành nghề kinh doanh của công ty.

Điều 2: Việc thay đổi được thực hiện kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 3: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ, nhân viên của công ty có nhiệm vụ thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh nêu trên.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban giám đốc;
- Các thành viên HĐQT;
- Phòng đăng ký kinh doanh;
- Lưu VP công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

